



## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2010	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 31

110  
CỘ  
ĐỒ  
ÁP  
HOÀ  
LƯC

110  
CỘ  
ĐỒ  
ÁP  
HOÀ  
LƯC

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 03 năm 2010.

Trụ sở được đặt tại số 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 295.807.110.000 đồng

Công ty có 1 chi nhánh hạch toán phụ thuộc đặt tại TP.HCM.

Các công ty con tính đến 30/06/2010 gồm:

- Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khoáng Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty CP Mê Kông Hoàng Long
- Công ty CP Thanh Mỹ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điều, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cử trầm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mướn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi ( ngoài tỉnh)
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng ( trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình)
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Năm	Thành viên
Ông Ngô Kinh Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Châu Minh Đạt	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phạm Phúc Toại	Tổng Giám Đốc
Ông Châu Minh Đạt	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Đặng Hoàng Phương	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Phan Văn Thanh	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Huỳnh Công Minh	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc	Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng

### 3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám Đốc

Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc kỳ kế toán mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và số sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

**6. Ý kiến của Tổng Giám Đốc**

Theo ý kiến của Tổng Giám Đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Ngày 03 tháng 08 năm 2010

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM PHÚC TOẠI**

Số: 11.109/BCKT-2010

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

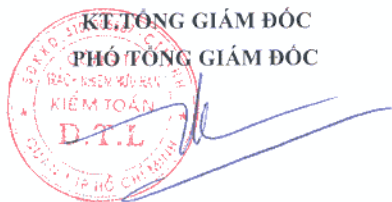
### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoàng Long vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 08 năm 2010



**TẶNG QUỐC THẮNG**  
Chứng chỉ KTV số Đ0075/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**LỘ NGUYỄN THỦY PHƯƠNG**  
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>270.348.185.784</b>	<b>178.854.231.754</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>21.832.061.087</b>	<b>13.642.069.559</b>
1. Tiền	111		8.605.781.580	415.790.052
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.226.279.507	13.226.279.507
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>196.356.888.942</b>	<b>82.749.710.754</b>
1. Phải thu khách hàng	131		35.228.703.412	37.157.036.430
2. Trả trước cho người bán	132		4.211.131.500	4.984.653.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		157.837.943.715	41.528.910.709
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(920.889.685)	(920.889.685)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>51.364.767.888</b>	<b>78.555.352.423</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.3	51.364.767.888	78.555.352.423
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>794.467.867</b>	<b>3.907.099.018</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.490.909	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	1.500.000	188.038.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	780.476.958	3.719.061.018

(Phần tiếp theo ở trang 06)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>637.825.802.392</b>	<b>584.907.462.583</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.108.785.856</b>	<b>27.388.115.770</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	17.979.615.690	20.761.521.360
- Nguyên giá	222		28.206.101.877	30.585.112.787
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.226.486.187)	(9.823.591.427)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	4.993.333.320	5.046.833.322
- Nguyên giá	228		5.360.300.000	5.360.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(366.966.680)	(313.466.678)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	5.135.836.846	1.579.761.088
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>5.9</b>	<b>25.062.157.821</b>	<b>25.368.077.631</b>
- Nguyên giá	241		26.420.882.816	26.420.882.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.358.724.995)	(1.052.805.185)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>577.666.705.602</b>	<b>528.987.458.842</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		443.683.752.710	396.269.252.950
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		132.900.000.000	132.600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.864.747.000	900.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(781.794.108)	(781.794.108)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.988.153.113</b>	<b>3.163.810.340</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	137.136.944	296.714.164
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	3.222.016.169	2.867.096.176
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.13	3.629.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>908.173.988.176</b>	<b>763.761.694.337</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>383.329.827.144</b>	<b>257.217.583.298</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>343.413.714.661</b>	<b>208.184.421.710</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	150.731.961.061	2.759.325.800
2. Phải trả người bán	312	5.15	13.140.421.050	13.768.354.336
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	3.285.196.476	337.412.898
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	13.949.592.446	29.886.439.144
5. Phải trả người lao động	315	5.17	526.566.594	1.087.126.167
6. Chi phí phải trả	316	5.18	19.189.582.567	18.820.105.607
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.19	130.070.912.633	129.308.501.389
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.519.481.834	12.217.156.369
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>39.916.112.483</b>	<b>49.033.161.588</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.20	656.898.000	656.898.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.21	13.949.125.752	14.727.684.038
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5.610.000	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.22	25.304.478.731	33.648.579.550
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>524.844.161.032</b>	<b>506.544.111.039</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.23	<b>524.844.161.032</b>	<b>506.544.111.039</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.23	295.807.110.000	295.807.110.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.23	102.592.150.000	102.592.150.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.23	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.23	14.364.348.663	13.673.710.430
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.23	12.618.211.299	12.065.700.713
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.23	1.746.137.364	1.608.009.717
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.23	105.216.203.706	88.297.430.179
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>908.173.988.176</b>	<b>763.761.694.337</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

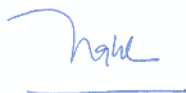
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại :		-	-
+ USD		193.357,74	193.158,73
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 20 tháng 07 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	58.414.611.580	51.192.691.848
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	6.1	-	1.179.261.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		58.414.611.580	50.013.430.648
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	30.307.790.429	19.045.880.744
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		28.106.821.151	30.967.549.904
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	25.568.431.164	31.218.809.376
7. Chi phí tài chính	22	6.4	10.475.176.483	5.868.466.082
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		4.289.883.649	5.735.012.725
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.631.622.633	8.215.820.789
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		34.568.453.199	48.102.072.409
11. Thu nhập khác	31	6.5	8.237.785.996	275.960.767
12. Chi phí khác	32	6.6	976.434.213	477.559.592
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.261.351.783	(201.598.825)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		41.829.804.982	47.900.473.584
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	6.888.022.460	4.248.554.303
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(354.919.993)	(106.826.910)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		35.296.702.515	43.758.746.191
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	1.199	1.529

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long 17, ngày 20 tháng 07 năm 2010



PHẠM PHÚC TOẠI

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		41.829.804.982	47.900.473.584
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.213.714.647	2.339.317.425
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.829.707.234	(315.360.000)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.239.300.364)	(59.201.744)
Chi phí lãi vay	06		4.289.883.649	5.735.012.723
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>46.923.810.148</b>	<b>55.600.242.020</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.088.717.265)	7.719.493.041
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.551.421.535	16.277.255.521
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(33.021.636.748)	(95.740.016.989)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		147.086.311	(658.677.467)
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.776.773.356)	(2.197.763.997)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(18.551.904.258)	(3.268.485.222)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	23.725.872.747
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(625.851.000)	(31.569.394.744)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(25.442.564.633)</b>	<b>(30.111.475.090)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.717.261.818)	(28.892.052.702)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(128.921.889.279)	(20.139.044.614)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.999.991.000	21.340.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.728.775.610)	(15.906.059.130)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.342.950	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		727.418.192	59.711.352
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(119.638.174.565)</b>	<b>(43.537.445.094)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		265.406.388.741	93.442.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(97.707.821.015)	(26.090.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.427.837.000)	(500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>153.270.730.726</b>	<b>66.852.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>8.189.991.528</b>	<b>(6.796.920.184)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>13.642.069.559</b>	<b>7.476.652.556</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>21.832.061.087</b>	<b>679.732.372</b>

Long An, ngày 20 tháng 07 năm 2010

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM PHÚC TOẠI

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

*Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long ( dưới đây gọi tắt là “ Công ty”) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 03 năm 2010.

Trụ sở được đặt tại số 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 295.807.110.000 đồng

Công ty có 1 chi nhánh hạch toán phụ thuộc đặt tại TP.HCM.

Các công ty con tính đến 30/06/2010 gồm:

- Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Vận Tài và Khoáng Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty CP Hoàng Long Mê Kông.
- Công ty CP Thanh Mỹ

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điều, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mướn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi ( ngoài tỉnh)
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động cầu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyên nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng ( trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình)



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

## 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12;.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

## 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010.

## 4. Các chính sách kế toán áp dụng

### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### 4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 -25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 -08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 -10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 -05 năm
+ Tài sản khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 -50 năm

### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư
- Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

#### 4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần lương tối thiểu chung được Chính Phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: trích lập căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm.

#### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

#### 4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại; Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

▪ Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### 4.12. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ kế toán này, cụ thể như sau :

#### Bảng cân đối kế toán

	Đầu kỳ	Đầu kỳ
	(Phân loại lại)	(Đã được trình bày trước đây)
Người mua ứng tiền trước	337.412.898	33.985.992.448
Doanh thu chưa thực hiện	33.648.579.550	-
<b>Cộng</b>	<b>33.985.992.448</b>	<b>33.985.992.448</b>

## 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền mặt	106.758.328	114.087.283
Tiền gửi ngân hàng	8.499.023.252	301.702.769
Các khoản tương đương tiền (*)	13.226.279.507	13.226.279.507
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.832.061.087</b>	<b>13.642.069.559</b>

(\*) Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng này hiện được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng Ngoại Thương (xem mục (5.21))

### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải thu khách hàng	35.228.703.412	37.157.036.430
Trả trước cho người bán	4.211.131.500	4.984.653.300
Các khoản phải thu khác	157.837.943.715	41.528.910.709
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>197.277.778.627</b>	<b>83.670.600.439</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(920.889.685)	(920.889.685)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>196.356.888.942</b>	<b>82.749.710.754</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải thu hoạt động thương mại	1.872.934.185	310.389.685
Phải thu hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	33.355.769.227	36.846.646.745
<b>Cộng</b>	<b>35.228.703.412</b>	<b>37.157.036.430</b>

Các khoản ứng trước cho người bán được chi tiết như sau :

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Trả trước tiền cung cấp thiết bị và lắp đặt trạm xử lý nước thải	-	2.050.000.000
Trả trước cho hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu chế biến thủy sản ( tương đương 185.000 USD)	3.533.500.000	2.759.325.800
Các khoản trả trước khác	677.631.500	175.327.500
<b>Cộng</b>	<b>4.211.131.500</b>	<b>4.984.653.300</b>

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải thu nội bộ các công ty con	130.362.032.377	26.678.961.848
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức cho nhân viên	12.600.000.000	11.132.700.000
Phải thu tiền cho nhân viên vay	12.174.175.734	-
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.299.294.771	1.318.344.000
Thuế VAT hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	520.518.808	-
Các khoản phải thu khác	881.922.025	2.398.904.861
<b>Cộng</b>	<b>157.837.943.715</b>	<b>41.528.910.709</b>

Dự phòng phải thu khó đòi được chi tiết như sau :

Tên đối tượng	Số dư nợ	Tỷ lệ dự phòng	Số dự phòng
Cù Lê Bảo Trị	85.500.000	100%	85.500.000
Mai Tiến Dũng	150.000.000	70%	105.000.000
Nguyễn Phước Hòa	600.000.000	70%	420.000.000
DNTN Thủy Hằng	199.998.835	100%	199.998.835
Hộ kinh doanh Đặng Văn Mỹ	88.000.000	100%	88.000.000
Cơ sở Phạm Ái	22.390.850	100%	22.390.850
<b>Cộng</b>	<b>1.145.889.685</b>		<b>920.889.685</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.3. Hàng tồn kho**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Nguyên liệu, vật liệu	3.996.386.209	14.348.069
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.881.102.216	13.790.530.618
Hàng hóa	34.487.279.463	64.750.473.736
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>51.364.767.888</b>	<b>78.555.352.423</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>51.364.767.888</b>	<b>78.555.352.423</b>

Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho gồm :

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Khu dân cư Long Kim 2	34.487.279.463	43.111.310.736
Khu công nghiệp Long Cang	-	21.639.163.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.487.279.463</b>	<b>64.750.473.736</b>

**5.4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu nộp thừa	-	186.538.000
Thuế môn bài nộp thừa	1.500.000	1.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.500.000</b>	<b>188.038.000</b>

**5.5. Tài sản ngắn hạn khác**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tạm ứng	780.476.958	310.271.018
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	3.408.790.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>780.476.958</b>	<b>3.719.061.018</b>

(Phần tiếp theo ở trang 19)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	9.175.254.924	3.787.350.606	14.599.372.222	2.597.535.035	425.600.000	30.585.112.787
Tăng	-	-	-	39.989.090	-	39.989.090
Thanh lý	-	(1.830.000.000)	(589.000.000)	-	-	(2.419.000.000)
Số dư cuối kỳ	<u>9.175.254.924</u>	<u>1.957.350.606</u>	<u>14.010.372.222</u>	<u>2.637.524.125</u>	<u>425.600.000</u>	<u>28.206.101.877</u>

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư đầu kỳ	1.049.882.173	2.045.702.518	4.642.974.672	1.722.548.733	362.483.331	9.823.591.427
Khấu hao trong kỳ	277.764.494	280.202.587	943.570.109	297.432.647	55.324.998	1.854.294.835
Thanh lý	-	(1.098.000.027)	(353.400.048)	-	-	(1.451.400.075)
Số dư cuối kỳ	<u>1.327.646.667</u>	<u>1.227.905.078</u>	<u>5.233.144.733</u>	<u>2.019.981.380</u>	<u>417.808.329</u>	<u>10.226.486.187</u>

**Giá trị còn lại**

Tại ngày đầu kỳ	8.125.372.751	1.741.648.088	9.956.397.550	874.986.302	63.116.669	20.761.521.360
Tại ngày cuối kỳ	<u>7.847.608.257</u>	<u>729.445.528</u>	<u>8.777.227.489</u>	<u>617.542.745</u>	<u>7.791.671</u>	<u>17.979.615.690</u>

- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là :  
1.530.145.196 đồng

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	5.350.000.000	10.300.000	5.360.300.000
Số dư cuối năm	<u>5.350.000.000</u>	<u>10.300.000</u>	<u>5.360.300.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**Hao mòn**

Số dư đầu năm	303.166.678	10.300.000	313.466.678
Khấu hao trong năm	53.500.002	-	53.500.002
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>356.666.680</b>	<b>10.300.000</b>	<b>366.966.680</b>

**Giá trị còn lại**

Tại ngày đầu năm	5.046.833.322	-	5.046.833.322
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>4.993.333.320</b>	<b>-</b>	<b>4.993.333.320</b>

Trong đó :

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 10.300.000 đồng

**5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu kỳ</b>
Mua sắm thiết bị của hệ thống nước thải Long Cang	173.218.403	173.218.403
Chi phí xây dựng nhà máy nước ngầm	264.345.000	249.178.333
Phí bảo hộ sản phẩm chế biến	79.040.000	79.040.000
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.619.233.443	1.078.324.352
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.135.836.846</b>	<b>1.579.761.088</b>

**5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà An Dương Vương	Nhà kho	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	17.340.160.000	5.579.200.706	3.501.522.110	26.420.882.816
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>17.340.160.000</b>	<b>5.579.200.706</b>	<b>3.501.522.110</b>	<b>26.420.882.816</b>
<b>Hao mòn</b>				
Số dư đầu kỳ	-	675.823.423	376.981.762	1.052.805.185
Tăng trong kỳ	-	139.480.018	166.439.792	305.919.810
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>815.303.441</b>	<b>543.421.554</b>	<b>1.358.724.995</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu kỳ	17.340.000.000	4.903.377.283	3.124.540.348	25.368.077.631
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>17.340.160.000</b>	<b>4.763.897.265</b>	<b>2.958.100.556</b>	<b>25.062.157.821</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.10. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Đầu tư vào công ty con	443.683.752.710	396.269.252.950
Đầu tư vào công ty liên kết	132.900.000.000	132.600.000.000
Đầu tư dài hạn khác	1.864.747.000	900.000.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>578.448.499.710</b>	<b>529.769.252.950</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(781.794.108)	(781.794.108)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>577.666.705.602</b>	<b>528.987.458.842</b>

Danh sách các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại	Vốn góp đến 30/06/2010	Tỷ lệ góp vốn
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Con	30.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản	Con	85.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Con	150.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn	Con	70.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Con	100.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Con	6.446.150.000	100%
Công ty CP Hoàng Long Mê Kông	Con	2.237.602.710	55%
Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	Liên kết	132.900.000.000	30%
Công ty CP Bất Động Sản Hòn Ngọc Viễn Đông	Khác	900.000.000	15%
Công ty CP Thanh Mỹ	Khác	964.747.000	5%
<b>Cộng</b>		<b>578.448.499.710</b>	

**5.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Chi phí lắp đặt thiết bị văn phòng CN TP.HCM	113.180.017	223.170.985
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	23.956.927	73.543.179
<b>Tổng cộng</b>	<b>137.136.944</b>	<b>296.714.164</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.12. Tài sản thuế hoãn lại**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời từ chi phí trích trước cho khu đất Long Kim 2	3.222.016.169	2.867.096.176
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.222.016.169</b>	<b>2.867.096.176</b>

**5.13. Tài sản dài hạn khác**

Đây là khoản ký quỹ theo hợp đồng mua máy móc thiết bị ký với Công ty ChiaTung tương đương với 190.000 USD

**5.14. Vay ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vay ngân hàng – tương đương 7.891.725,71 USD	150.731.961.061	2.759.325.800
<b>Tổng cộng (*)</b>	<b>150.731.961.061</b>	<b>2.759.325.800</b>

(\*) Vay ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex theo hợp đồng số 33/2010/HMTD/NH-PN/PGB ngày 02/02/2010 và hợp đồng số 184/2010/HMTD/NH-PN/PGB ngày 16/04/2010 với lãi suất từ 6,4%/năm đến 7,5%/năm. Tài sản thế chấp gồm : 16.168.760 cổ phiếu của Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long với giá thị trường là 20.000đ/cổ phiếu.

**5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải trả người bán	13.140.421.050	13.768.354.336
Người mua trả tiền trước – cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	3.285.196.476	337.412.898
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.425.617.526</b>	<b>14.105.767.234</b>

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải trả tiền đền bù, giải tỏa cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Long An	5.707.412.000	5.707.412.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi cho công ty Chia Tung ( tương đương 380.000 USD)	7.258.000.000	6.817.580.000
Phải trả tiền sửa chữa tòa nhà văn phòng	-	649.930.493
Khác	175.009.050	593.431.843
<b>Cộng</b>	<b>13.140.421.050</b>	<b>13.768.354.336</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Thuế GTGT hàng nội địa	430.537.108	5.137.593.117
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	520.518.808	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.973.763.949	24.637.645.747
Thuế thu nhập cá nhân	24.772.581	48.526.763
Thuế tài nguyên	-	13.188.695
Các khoản phí, lệ phí	-	49.484.822
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.949.592.446</b>	<b>29.886.439.144</b>

### 5.17. Phải trả người lao động

Là khoản phải trả lương tháng 6 năm 2010.

### 5.18. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Trích trước lãi vay	580.792.060	56.315.100
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí kiểm toán	95.000.000	250.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.189.582.567</b>	<b>18.820.105.607</b>

### 5.19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Kinh phí công đoàn	37.042.000	36.898.800
Bảo hiểm xã hội	56.265.000	-
Bảo hiểm y tế	11.508.750	-
Bảo hiểm thất nghiệp	5.115.000	-
Phải trả cho các công ty con	102.154.267.984	98.708.158.654
Phải trả tiền vay cho Công ty Thanh Thy	27.791.443.935	30.563.443.935
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.269.964	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>130.070.912.633</b>	<b>129.308.501.389</b>

### 5.20. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ tiền thuê kho từ công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long, thời gian 5 năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.21. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vay VND	-	1.625.000.000
Vay USD (tương đương 730.320,72 USD)	13.949.125.752	13.102.684.038
<b>Tổng cộng</b>	<b>(*) 13.949.125.752</b>	<b>14.727.684.038</b>

(\*) Vay ngân hàng Ngoại Thương theo hợp đồng tín dụng số 0557/TDC/09CD ngày 18/08/2009 với lãi suất là 4%/năm, thời hạn vay 24 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn của công ty tại ngân hàng Ngoại Thương với số tiền tại ngày 30/06/2009 là 13.226.279.507 đồng.

### 5.22. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Khách hàng ứng trước tiền chuyển quyền sử dụng đất theo tiến độ trên hợp đồng	25.304.478.731	33.648.579.550
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.304.478.731</b>	<b>33.648.579.550</b>

### 5.23. Vốn chủ sở hữu

#### 5.23.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

(Phần tiếp theo ở trang 25)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	287.687.110.000	102.592.150.000	(7.500.000.000)	21.160.495.416	49.509.690.042	453.449.445.458
Tăng vốn	8.120.000.000	-	-	-	-	8.120.000.000
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	65.511.653.023	65.511.653.023
Trích quỹ	-	-	-	6.186.925.444	(12.373.850.886)	(6.186.925.442)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(14.350.062.000)	(14.350.062.000)
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>295.807.110.000</b>	<b>102.592.150.000</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>27.347.420.860</b>	<b>88.297.430.179</b>	<b>506.544.111.039</b>
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	35.296.702.515	35.296.702.515
Giảm khác	-	-	-	-	(1.187.539.056)	(1.187.539.056)
Trích quỹ	-	-	-	1.381.276.466	(2.762.552.931)	(1.381.276.466)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(14.427.837.000)	(14.427.837.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>295.807.110.000</b>	<b>102.592.150.000</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>28.728.697.326</b>	<b>105.216.203.706</b>	<b>524.844.161.032</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.23.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	295.807.110.000	295.807.110.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>295.807.110.000</b>	<b>295.807.110.000</b>

**5.23.3. Cổ tức**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chia cổ tức năm trước	14.427.837.000	-
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	14.350.062.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.427.837.000</b>	<b>14.350.062.000</b>

**5.23.4. Cổ phần**

▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	29.580.711	28.768.711
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	29.580.711	28.768.711
+ <i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	29.580.711	28.768.711
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(150.000)	(150.000)
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	(150.000)	(150.000)
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	29.430.711	28.618.711
+ <i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	29.430.711	28.618.711
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

(Phần tiếp theo ở trang 27)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động thương mại	22.088.272.071	-
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng đất	35.417.248.600	49.896.763.569
Doanh thu hoạt động khác	909.090.909	1.295.928.279
Hàng bán bị trả lại	-	(1.179.261.200)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>58.414.611.580</b>	<b>50.013.430.648</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động thương mại	21.403.589.461	
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng đất	8.904.200.968	18.241.928.280
Giá vốn hoạt động khác	-	803.952.464
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.307.790.429</b>	<b>19.045.880.744</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	727.418.192	59.711.352
Lợi nhuận chuyển từ các công ty con	22.235.186.165	30.775.203.176
Chiết khấu thanh toán	-	199.648
Thu lãi công ty con	2.058.987.097	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	211.744.710	68.335.200
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	335.095.000	315.360.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.568.431.164</b>	<b>31.218.809.376</b>

**6.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	4.289.883.649	5.735.012.725
Chiết khấu thanh toán	3.664.219.775	112.513.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	356.270.825	20.939.857
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.164.802.234	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.475.176.483</b>	<b>5.868.466.082</b>

**6.5. Thu nhập khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu tiền phí đo đạc	45.506.143	265.849.010

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thu thanh lý tài sản cố định	1.420.495.000	-
Thu bồi thường do không thực hiện hợp đồng	6.352.151.630	-
Thu lãi trả chậm từ công ty con	410.655.376	
Thu nhập khác	8.977.847	10.111.757
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.237.785.996</b>	<b>275.960.767</b>

**6.6. Chi phí khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí do không thực hiện hợp đồng	-	372.021.012
Chi phí thanh lý tài sản cố định	967.599.925	-
Chi phí khác	8.834.288	105.538.580
<b>Tổng cộng</b>	<b>976.434.213</b>	<b>477.559.592</b>

**6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Chuyển quyền sử dụng đất	Hoạt động khác	Cộng
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>24.478.851.120</b>	<b>17.350.953.862</b>	<b>41.829.804.982</b>
Các khoản điều chỉnh giảm :	-	(22.570.281.165)	(22.570.281.165)
+ LN chuyển từ các công ty con	-	(22.235.186.165)	(22.235.186.165)
+ Lãi do đánh giá CL tỷ giá chưa thực hiện	-	(335.095.000)	(335.095.000)
Các khoản điều chỉnh tăng :	1.419.679.973	458.339.747	1.878.019.720
+ Chi phí trích trước	1.419.679.973	-	1.419.679.973
+ Chi phí không hợp lệ	-	458.339.747	458.339.747
<b>Lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>25.898.531.093</b>	<b>(4.760.987.556)</b>	<b>21.137.543.537</b>
Thuế phải nộp theo thuế suất 25%	6.474.632.773	-	6.474.632.773
Tạm nộp 2% thuế TNDN ứng với khoản khách hàng ứng tiền trước	(166.882.016)	-	(166.882.016)
Điều chỉnh thuế truy thu năm 2009	580.271.703	-	580.271.703
<b>Thuế phải nộp 6 tháng 2010</b>	<b>6.888.022.460</b>	<b>-</b>	<b>6.888.022.460</b>

**6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chênh lệch tạm thời	Số tiền	Thuế suất	Chi phí thuế hoãn lại
Chi phí trích trước cho khu dân cư Long Kim 2 ứng với phần phát sinh trong giá vốn	1.419.679.973	25%	(354.919.993)
<b>Tổng cộng</b>			<b>(354.919.993)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- + Chuyên nhượng quyền sử dụng đất
- + Hoạt động khác ( cho thuê kho, thuê nhà, san lấp mặt bằng...)

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2009**

	Chuyên nhượng quyền sử dụng đất	Hoạt động khác	Tổng cộng
<b>Doanh thu</b>			
Từ khách hàng bên ngoài	35.417.248.600	909.090.909	36.326.339.509
Cung cấp cho các công ty con		22.088.272.071	22.088.272.071
<b>Tổng cộng</b>	<u>35.417.248.600</u>	<u>22.997.362.980</u>	<u>58.414.611.580</u>
<b>Giá vốn</b>			
Từ khách hàng bên ngoài	8.904.200.968	-	8.904.200.968
Cung cấp cho các công ty con	-	20.426.076.346	20.426.076.346
<b>Tổng cộng</b>	<u>8.904.200.968</u>	<u>20.426.076.346</u>	<u>29.330.277.314</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.199.839.719	3.413.782.914	8.631.622.633
Doanh thu tài chính	441.039.498	25.127.391.666	25.568.431.164
Chi phí tài chính	3.664.219.775	6.810.956.708	10.475.176.483
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	<u>18.090.027.635</u>	<u>16.478.425.564</u>	<u>34.568.453.199</u>
Thu nhập khác	6.397.657.773	1.840.128.223	8.237.785.996
Chi phí khác	8.834.288	967.599.925	976.434.213
Lợi nhuận từ hoạt động khác	<u>6.388.823.485</u>	<u>872.528.298</u>	<u>7.261.351.783</u>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>24.478.851.120</b>	<b>17.350.953.862</b>	<b>41.829.804.982</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.533.102.467)	-	(6.533.102.467)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<u>17.945.748.653</u>	<u>17.350.953.862</u>	<u>35.296.702.515</u>

### 8. Thông tin về các bên có liên quan

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các công ty con và các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Công ty TNHH MTV chế biến thủy sản Hoàng Long	125.446.871.838	21.351.086.813
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	1.580.299.560	4.844.289.560
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng	3.334.860.979	483.585.475

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phải thu tiền cho vay từ Ông Phạm Phúc Toại	12.174.175.734	-
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức từ Ông Phạm Hoàng Long	12.600.000.000	11.132.700.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>155.136.208.111</b>	<b>37.811.661.848</b>

▪ Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả cho các công ty con và công ty liên kết như sau :

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Hoàng Long	-	-
Công ty TNHH MTV vận tải và khai thác khoáng sản Hoàng Long	21.742.000.000	5.664.783.015
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	21.550.350.964	4.255.578.806
Công ty TNHH MTV công nghệ và thương mại Hoàng Long	58.861.917.020	88.787.796.833
Công ty TNHH SX TM DV Thanh Thy	27.791.443.935	30.563.443.935
<b>Tổng cộng</b>	<b>129.945.711.919</b>	<b>129.665.500.639</b>

▪ Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Mua hàng từ các công ty con	-	(523.524.124)
Bán hàng cho các công ty con	23.501.536.309	1.121.960.166
Thu nhập do lợi nhuận chuyển về từ các công ty con	22.235.186.165	30.775.203.176
Mượn tiền từ các công ty con	92.198.932.000	93.442.000.000
Chi trả tiền đã mượn từ các công ty con	(57.580.933.015)	(20.925.000.000)
Chi trả lãi cho các công ty con	-	(3.215.99.605)
Mượn tiền từ Ông Phạm Phúc Toại	13.050.000.000	-
Chi trả tiền đã mượn từ Ông Phạm Phúc Toại	(22.667.126.000)	-
Cho các công ty con vay tiền	(104.147.713.545)	(20.139.044.614)
Cho Ông Phạm Phúc Toại vay tiền	(12.174.175.734)	-
Chi tạm ứng cổ tức	(12.600.000.000)	-
Thu lãi trả chậm của công ty con	2.469.642.473	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thu tiền đã cho công ty con vay	5.423.100.000	21.340.000.000
Thu lại tiền cho Ông Phạm Phúc Toại vay	1.444.191.000	-
Thu lại tiền tạm ứng cổ tức	11.132.700.000	-
Trả tiền vay cho Công ty Thanh Thy	(2.772.000.000)	-
Lãi vay trả cho Thanh Thy	(1.901.099.014)	(1.935.704.496)

▪ Công ty có vay từ công ty liên kết – Công ty TNHH SX TM DV Thanh Thy theo khế ước vay ngày 02/03/2008 để bổ sung vốn lưu động với số tiền là 27.791.443.935 đồng. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay này được bảo đảm và không có thời gian hoàn trả cụ thể.

▪ Trong kỳ, Công ty đã thực hiện giải thể công ty con – Công ty CP Rượu Bia Labeco vào tháng 4/2010.

▪ Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm là :

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc	405.519.354	904.345.217

### 9. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

### 10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 07 năm 2010.

Ngày 20 tháng 07 năm 2010

KÊ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM PHÚC TOẠI